

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2023/HS-ST

Ngày: 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Việt Hưng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 192/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 180/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 08/10/1964, giới tính: nam; tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: số nhà B, tổ dân phố số I, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình; ; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Đạo Thiên chúa, trình độ học vấn: 01/10, nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị H (đều đã chết).; có vợ Đỗ Thị L (là bị cáo trong vụ án). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: **Đỗ Thị L**, sinh ngày 10/5/1965; giới tính: nữ, tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: số nhà B, tổ dân phố số I, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình; ; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Đạo Thiên chúa, trình độ học vấn: 7/10, nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đỗ Văn M và bà Tô Thị N (đều đã chết).; có chồng Nguyễn Văn T (là bị cáo trong vụ án). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Đỗ Văn L1, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố số D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L làm nghề đánh bắt thủy sản. Hằng ngày, T và L đi thuyền của gia đình ra sông D, thuộc tổ dân phố số I, thị trấn D để đặt rọ bát quái đánh bắt cá, tôm. Khoảng 02 giờ ngày 13/11/2023, sau khi thu rọ bát quái của gia đình xong, T và L nhìn thấy một số rọ bát quái của anh Đỗ Văn L1, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố số D, thị trấn D đặt ở khúc sông gần đó, không có người canh coi. L nảy sinh ý định trộm cắp số rọ bát quái trên nên đã nói với T: “Kéo lấy mười cái rọ của nó về giắc vào rọ nhà mình để có rọ mà đánh”. T đồng ý rồi cùng L kéo được 16 chiếc rọ bát quái của anh L1 để lên trên thuyền. Sau đó, T và L đi thuyền về neo đậu tại bến cá T. Sáng cùng ngày, anh L1 đi thuyền ra sông D thu rọ bát quái thì phát hiện số rọ bị mất. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T và L xuống thuyền để đổi đuôi số rọ bát quái trộm cắp của anh L1 với mục đích để không bị phát hiện thì anh L1 đi đến và nhận ra số rọ bát quái của gia đình mình trên thuyền của vợ chồng T. Bị phát hiện nên T và L tự nguyện đến Công an thị trấn D tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 61 ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận 16 chiếc rọ bát quái của anh Đỗ Văn L1 trị giá 2.427.000 đồng. Phân trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS ngày 14/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, các điểm h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo theo

- Bị cáo Đỗ Thị L từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo theo

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: Đã trả cho chủ sở hữu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, khoảng 02 giờ ngày 13/11/2023, tại khu vực sông D, thuộc tổ dân phố số I, thị trấn D, Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L lén lút trộm cắp 16 chiếc rọ bát quái trị giá 2.427.000 đồng của anh Đỗ Văn L1, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố số D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Như vậy, Tòa án có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự thú, thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án nhận thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Xét thấy, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét thấy, bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Theo Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, các điểm h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Thị L mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng